

Bản án số: 123/2026/HS-ST
Ngày: 14/5/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- **Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Trần Thị Qui

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà Lê Thị Thanh Nhân

2. Bà Nguyễn Hà Thanh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Khắc Cường – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 14 tháng 05 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 100/2026/HSST ngày 03 tháng 04 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2026/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 04 năm 2026 và Thông báo thay đổi lịch xét xử số 02/2026/TB-TA ngày 28 tháng 04 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đinh Thanh X**; tên gọi khác: không; sinh năm 1997; tại: **Lâm Đồng**; nơi thường trú: **Thôn D, xã Đ, huyện D (nay là xã Đ), tỉnh Lâm Đồng** và nơi ở hiện tại: **Thôn D, xã Đ, huyện D (nay là xã Đ), tỉnh Lâm Đồng**; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Đinh Đình N**, sinh năm 1969 và bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1976, hiện ở tại: **Thôn D, xã Đ, huyện D (nay là xã Đ), tỉnh Lâm Đồng**; vợ, con: chưa có.

Tiền án: Bản án số 34/2016/HSST ngày 19/07/2016, Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tuyên xử **Đinh Thanh X** 06 (sáu) năm tù về tội: Cố ý gây thương tích; **Đinh Thanh X** chấp hành xong án phạt tù ngày 18/01/2020; đã nộp 498.000đ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm (nộp ngày 14/04/2017) và đã nộp 10.974.782đ bồi thường trách nhiệm dân sự (nộp ngày 09/06/2016 và ngày 24/02/2017).

Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam số 1 **Công an tỉnh L** từ ngày 01/03/2024 đến nay (có mặt).

- **Bị hại:**

1/ Ông **Đinh Tiên Đ**, sinh năm 1998; địa chỉ: **Thôn H, xã G, huyện D (nay là**

xã D), tỉnh Lâm Đồng. (có đơn đề nghị vắng mặt)

2/ Ông Nguyễn Tiến T1, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện Đ (nay là xã N), tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

3/ Ông Trần Văn T2, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn Đ, xã G, huyện D (nay là xã D), tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Ka H, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn H, xã G, huyện D (nay là xã D), tỉnh Lâm Đồng. (có đơn đề nghị vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Khắc Hùng C, sinh năm 1996; địa chỉ: Số A N, Phường D, thành phố Đ (nay là phường X - Đ), tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian chấp hành án tại Trại giam Đ1 - Bộ C1 thì Đinh Thanh X quen biết với: Huỳnh Minh N1, sinh năm: 1992, nơi thường trú: số F C, Phường L - Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nguyễn Khắc Hùng C, sinh năm: 1996, nơi thường trú: số A N, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng và Nguyễn Tiến T1, sinh năm: 1992, nơi thường trú: Thôn H, xã N, tỉnh Lâm Đồng.

Vào khoảng tháng 04/2022, sau khi chấp hành án xong thì Nguyễn Khắc Hùng C (tên gọi khác Cu B) liên lạc rủ X qua Campuchia làm việc cùng, X đồng ý và được C đưa xuống Thành phố Hồ Chí Minh làm hộ chiếu, sau đó X xuất cảnh qua Campuchia qua cửa khẩu quốc tế M, Tây Ninh. Khi đến Campuchia, X gặp C và Huỳnh Minh N1, lúc này công việc làm ăn khó khăn nên C rủ X về lại Việt Nam, X không đồng ý và muốn ở lại làm cùng N1, do vậy C về Việt Nam một mình.

Tại C, N1 hướng dẫn cho X cách dụ dỗ, lôi kéo người Việt Nam qua Campuchia làm việc với các thông tin không có thật đăng tải trên mạng xã hội Facebook của N1 như “Công ty đang cần tuyển người làm, việc nhẹ, lương cao từ hai mươi triệu đồng đến ba mươi triệu đồng một tháng, làm tốt sẽ có thưởng, được tự do đi lại...” và hứa hẹn trả tiền phần trăm cho X. Xuyên biết nếu đưa người Việt Nam sang Campuchia thì những người đó sẽ bị bán vào các công ty do người Trung Quốc làm chủ và sẽ bị áp bức lao động, nhưng X vẫn đồng ý làm.

Khoảng cuối tháng 04/2022, X liên lạc với Nguyễn Tiến T1 qua ứng dụng Facebook, X trao đổi với Thành nội D: “đang làm việc ở Campuchia, hiện Công ty tại Campuchia đang cần tuyển người làm, việc nhẹ, lương cao, làm tốt sẽ có thưởng, được tự do đi lại...” . Khi nghe X đưa ra những thông tin trên thì T1 đồng ý và rủ thêm em họ của T1 là Trần Văn T2 đi qua Campuchia làm việc theo lời giới thiệu của X. Khi T1 và T2 đồng ý thì X đã báo cho N1 để sắp xếp cho 02 người qua Campuchia, do biết C đi công việc ở Thành phố Hồ Chí Minh nên X liên lạc nhờ C chở T1 và T2 từ Di L đi Thành phố Hồ Chí Minh bằng xe ô tô cá nhân của C. Đến Thành phố Hồ Chí Minh thì C để T1 và T2 ở lại khách sạn rồi đi lo việc riêng của mình.

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, N1 bố trí người đưa T1 và T2 đi làm hộ chiếu. Do T1 không có căn cước công dân nên không làm hộ chiếu được, X báo lại cho N1 và N1 sắp xếp đưa T1 qua Campuchia bằng đường tiểu ngạch, còn T2 ở lại khách sạn để làm hộ chiếu. Khi có hộ chiếu thì T2 được đưa sang Campuchia qua cửa khẩu M. Khi T1, T2 được đưa sang Campuchia thì X và N1 đón T1, T2 về khách sạn. Nhật kiểm tra, hướng dẫn T1 và T2 cách đánh máy vi tính. Khoảng hai ngày sau thì X, N1 đưa T1, T2 đến Công ty thuộc khu T ở Campuchia để bán. Sau khi T1, T2 bị bán vào Công ty ở Campuchia thì X được N1 chuyển số tiền 36.600.000đ (Ba mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) vào tài khoản ngân hàng A số 5408.281004651 mang tên Đinh Thanh X, đó là tiền công khi bán T1, T2 vào công ty ở khu T - Campuchia.

Sau đó khoảng một tuần thì T1 biết mình đã bị bán vào công ty với giá 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng); công việc chính T1 được giao là gọi điện thoại cho nhiều người ở nhiều Quốc gia khác nhau để lừa họ chuyển tiền rồi chiếm đoạt, nếu không làm đủ chỉ tiêu Công ty giao mỗi ngày sẽ bị đánh đập. T1 liên lạc với X (qua ứng dụng Facebook) để nhờ X sắp xếp đưa T1 và T2 về lại Việt Nam, nhưng X không liên lạc lại với T1, T2. Liên lạc với X không được thì T1, T2 đã liên hệ công ty xin về, Công ty yêu cầu nộp số tiền 100.000.000đ/người mới được về Việt Nam, không thì phải làm hết hợp đồng. Do không chịu nổi bị áp bức lao động và bị đánh đập, lợi dụng sơ hở của bảo vệ khu Tam Thái T3 nên ngày 10/06/2022 T1, T2 cùng với hơn 20 người khác trốn ra khỏi công ty về Việt Nam rồi trình báo sự việc với cơ quan Công an.

Sau khi bán T1 và T2 vào Công ty ở Campuchia thì X tiếp tục sử dụng mạng xã hội facebook liên hệ với Đinh Tiến Đ, X nói với Đ: sang Campuchia làm việc cho các công ty game online trên máy tính, mức lương 20.000.000đ - 25.000.000đ/tháng không? Đ đồng ý.

Ngoài ra, khi N1 nói: tìm những người phụ nữ có nhu cầu vào làm nhân viên phục vụ tại các KTV (các quán Karaoke) ở Campuchia với mức thu nhập cao, sẽ được mỗi khách "bo" từ 80USD đến 100USD/lần/03 giờ, nhân viên sẽ được hưởng 60%/tổng số tiền mà khách trả; Người đưa vào sẽ được hưởng 20% và chủ KTV sẽ được hưởng 20% trên tổng số tiền khách "bo" cho nhân viên thì X nhắn tin qua mạng xã hội cho người tên H1 ở D - Lâm Đồng (chưa rõ thông tin) hỏi: "em có kiếm được cho anh nhân viên làm quán hát ở Campuchia không?" X nói với H1 về các chế độ đãi ngộ khi làm ở các KTV tại Campuchia như N đã nói. H1 trả lời: "Có hai con bé nó cũng đang muốn đi làm, anh coi nếu có cần thì từ bên này đón tụi nó qua làm".

Mấy ngày sau thì X nhập cảnh về Việt Nam rồi đưa Đinh Tiến Đ và hai người nữ (cùng tên là T4) từ thành phố B, tỉnh Lâm Đồng xuống Thành phố Hồ Chí Minh. Do Đ và hai người nữ không có căn cước công dân nên không làm được hộ chiếu. X báo cho N1 để sắp xếp đưa ba người qua Campuchia. Sau đó người của N1 đi xe ô tô chở X, Đ và hai người tên Thu từ Thành phố Hồ Chí Minh đến cửa khẩu quốc tế M - Tây Ninh. Xuyên sử dụng hộ chiếu sang Campuchia qua cửa khẩu quốc tế M; còn Đ và hai người tên T4 được người của N1 đưa qua Campuchia bằng đường tiểu ngạch. Xuyên và N1 đưa hai người tên T4 vào làm nhân viên cho quán K gần sân

bay ở P - Campuchia. Do Đ không biết đánh máy vi tính, nên X và N1 đã hướng dẫn Đ đánh máy vi tính, rồi N1 đưa Đ đến Công ty T6 để làm nhưng Công ty này không nhận. Sau đó Đ xin X cho về lại Việt Nam, X báo lại cho N1 biết; N1 yêu cầu trả tiền chi phí cho Đ qua Campuchia và tiền ăn ở. Đ đã liên lạc với gia đình và Ka H (là vợ của Đ) chuyển tiền vào tài khoản của Đinh Thanh X (mở tại Ngân hàng A) 02 lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 20/5/2022, nội dung: Ka Hen nộp tiền, số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

- Lần 2: Ngày 23/5/2022, nội dung: 514496 - Ka Hen chuyển tiền, số tiền: 12.900.000đ (Mười hai triệu chín trăm nghìn đồng).

Tổng cộng Ka H chuyển vào tài khoản ngân hàng của Đinh Thanh X số tiền là 17.400.000đ (Mười bảy triệu bốn trăm nghìn đồng). Sau khi nhận được tiền thì X đưa hết cho Huỳnh Minh N1, N1 sắp xếp người đưa Đ về Việt Nam bằng đường tiểu ngạch (không qua cửa khẩu), X còn cho lại Đ 1.000.000đ (Một triệu đồng) để ăn uống trong quá trình về Việt Nam.

Sau khi đưa 02 người tên T4 vào làm ở karaoke KTV tại Campuchia thì X và N1 đã nhận được tổng số tiền 500USD (tiền môi giới theo thỏa thuận từ đầu), X và N1 chia nhau mỗi người được 250USD.

Ngoài ra, X khai nhận: Vào giữa tháng 6/2022, Đinh Thanh X và Huỳnh Minh N1 bị Cảnh sát Hoàng gia C2 bắt về hành vi sử dụng vũ khí quân dụng trái phép và bị tạm giam 08 tháng; N1 bị Tòa án tại Campuchia xét xử 18 tháng tù giam. Tháng 2/2023 X được đưa ra xét xử và được trả tự do tại tòa.

*** Vật chứng, tài liệu thu giữ:**

- 01 (một) điện thoại di động hiệu iphone 7 plus màu đen, số seri DX4VCGX3J5KR. (Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L đã bàn giao cho Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/6/2025 theo Quyết định chuyển vật chứng số 22/QĐ-VKSLĐ ngày 12/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng).

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Ông Nguyễn Tiến T1 yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần số tiền: 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) gia đình bị cáo đã bồi thường 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng); ông Trần Văn T2 yêu cầu bồi thường số tiền là: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) gia đình bị cáo đã bồi thường 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) và ông Đinh Tiến Đ yêu cầu bồi thường số tiền 17.400.000 đồng (Mười bảy triệu bốn trăm nghìn đồng) gia đình bị cáo đã bồi thường 17.400.000đ (Mười bảy triệu bốn trăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKS-P2 ngày 06 tháng 11 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã truy tố bị cáo Đinh Thanh X về tội “Mua bán người” quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo **Đinh Thanh X** thừa nhận toàn bộ nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là đúng, bị cáo không thắc mắc hay khiếu nại gì nội dung của bản cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị áp dụng điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 150; điểm b, s khoản 1, khoản 2 **Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38** Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo **Đinh Thanh X** từ 09 đến 10 năm tù.

Buộc bị cáo nộp số tiền thu lợi bất chính là 36.600.000đ (Ba mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng: 01 (một) điện thoại di động hiệu iphone 7 plus màu đen, số seri DX4VCGX3J5KR đã qua sử dụng, điện thoại đang bảo quản trong bì thư màu trắng, có chữ ký của **Đinh Thanh X** không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng cần tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận được tiền bồi thường, không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo **X** không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo nhận thấy hành vi mình sai và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN XÉT CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra **Công an tỉnh L**; của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến thắc mắc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, bị cáo **Đinh Thanh X** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo khai nhận sau khi được **Huỳnh Minh N1** hướng dẫn cách thức lừa, dụ dỗ người Việt Nam sang Campuchia làm việc với chiêu trò "việc nhẹ lương cao" và được **N1** trả tiền công nếu lừa được người sang Campuchia bán vào các công ty thì **Đinh Thanh X** đã giới thiệu và đưa: **Nguyễn Tiến T1**, **Trần Đức T5** sang Campuchia bán cho công ty thuộc khu **Tam Thái T3** rồi hưởng lợi số tiền 36.600.000đ (Ba mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng); **X** đưa **Đinh Tiến Đ** sang Campuchia rồi chuyển giao cho công ty thuộc **khu T ở Campuchia**. Mặc dù chưa nhận lợi ích gì về việc này nhưng mục đích của **X** vẫn là bán **Đ** vào Công ty ở Campuchia để hưởng lợi là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm trái pháp luật đến

nhân phẩm, danh dự của bị hại, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Đối chiếu lời khai của bị cáo X phù hợp với lời khai bị hại, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ khẳng định hành vi của bị cáo X đã phạm vào tội “Mua bán người”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã truy tố bị cáo **Đinh Thanh X** về tội danh và điều luật như Cáo trạng là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, có ông ngoại tên **Nguyễn Đình S** là liệt sĩ hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước (Thủ tướng Chính phủ cấp bằng "Tổ quốc ghi công" ngày 25/05/2015) vì vậy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

- **Về tính tiết tăng nặng:** Bị cáo chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội: Xét tính chất hành vi do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện bị cáo coi thường kỷ cương pháp luật, hành vi trên không những xâm phạm đến quyền đến danh dự, nhân phẩm của công dân mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương; xét các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, cần thiết phải áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định, Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo nộp số tiền thu lợi bất chính là 36.600.000đ (Ba mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước

Về xử lý vật chứng: 01 (một) điện thoại di động hiệu iphone 7 plus màu đen, số seri DX4VCGX3J5KR đã qua sử dụng, điện thoại đang bảo quản trong bì thư màu trắng, có chữ ký của **Đinh Thanh X** không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng cần tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo **Đinh Thanh X** đã bồi thường cho ông **Nguyễn Tiến T1** số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng); bồi thường cho ông **Đinh Tiến Đ** số tiền 17.400.000đ (Mười bảy triệu bốn trăm nghìn đồng); bồi thường

cho ông **Trần Văn T2** số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Nay ông **T1**, ông **Đ** và ông **T2** không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[8] Quá trình điều tra **Đinh Thanh X** còn khai nhận: **Huỳnh Minh N1** là người sắp xếp, hướng dẫn cho **X** cách dụ dỗ, lôi kéo người Việt Nam qua Campuchia làm việc với các thông tin không có thật đăng tải trên mạng xã hội Facebook. **X** đã đưa hai người phụ nữ sang Campuchia làm nhân viên phục vụ tại **quán K** và được hưởng số tiền 250USD từ việc giới thiệu. Tuy nhiên, **X** khai không biết rõ lai lịch của người phụ nữ tên **H1** (**H1** là người giới thiệu 02 người tên **T4** cho **X**) và hai người phụ nữ tên **T4**. **X** chỉ biết **H1** và hai người phụ nữ tên **T4** ở **cây số A thuộc xã Đ, Lâm Đồng**. Xuyên liên lạc với **H1** qua mạng xã hội **F book** nhưng không nhớ tài khoản do điện thoại đã mất. Hơn nữa, Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh L** đã tiến hành xác minh nhiều lần nhưng không xác định được nhân thân của người phụ nữ tên **H1** và hai người phụ nữ tên **T4** (được **X** đưa qua Campuchia làm nhân viên ở **quán K**) như **X** đã khai báo.

Giữa tháng 6/2022, **Đinh Thanh X** và **Huỳnh Minh N1** bị **Cảnh sát Hoàng gia C2** bắt về hành vi sử dụng vũ khí quân dụng trái phép và bị tạm giam 08 tháng; **N1** bị Tòa án tại Campuchia xét xử 18 tháng tù giam. Tháng 2/2023 **X** được đưa ra xét xử và được trả tự do tại Tòa. Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh L** đã tiến hành xác minh, nhiều lần có công văn gửi Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra - **Bộ C1** và Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao về việc hỗ trợ xác minh, thu thập, cung cấp thông tin liên quan công dân Việt Nam ở Campuchia đối với **Đinh Thanh X** và **Huỳnh Minh N1**; yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự đối với **Đinh Thanh X** nhưng chưa nhận được kết quả trả lời. Hơn nữa, theo trích lục tiền án, tiền sự của bị cáo **Đinh Thanh X** cũng không thể hiện việc **X** có bản án tuyên tại Campuchia và Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015 cũng không quy định về việc công nhận và cho thi hành bản án hình sự của nước ngoài ở Việt Nam. Vì vậy, Cơ quan Điều tra không có cơ sở để xác định bị cáo **X** đã có tiền án, tiền sự tại Campuchia nên đề nghị áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, không áp dụng tình tiết bị cáo **Đinh Thanh X** đã có tiền án tại Campuchia trong vụ án này là có căn cứ.

Đối với **Huỳnh Minh N1**: Qua xác minh **Huỳnh Minh N1** không có mặt ở địa phương (Lâm Đồng), đã xuất cảnh qua **cửa khẩu quốc tế M - Tây Ninh** ngày 19/04/2022, gia đình cho biết **N1** hiện đang ở Campuchia. Tuy nhiên, Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh L** chưa xác định được nơi ở hiện tại của **Huỳnh Minh N1**, chưa tiến hành ghi lời khai đối với **N1** nên chưa đủ cơ sở để kết luận hành vi của **Huỳnh Minh N1** có phạm tội hay không. Vì vậy, Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh L** tách hành vi của **Huỳnh Minh N1** để giải quyết bằng một vụ án khác theo Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự số 10161/QĐ-CSHS ngày 23/9/2025.

Đối với **Nguyễn Khắc Hùng C** là người chở **Nguyễn Tiến T1** và **Trần Văn T2** đi từ **huyện D, tỉnh Lâm Đồng** (nay là xã D, tỉnh Lâm Đồng) đến **Thành phố Hồ Chí Minh** giúp cho **Đinh Thanh X** nhưng **C** không biết **X** đưa **T1** và **T2** sang Campuchia để bán vào Công ty thuộc **khu T**, cũng không thu lợi gì trong sự việc trên nên không

có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của **Nguyễn Khắc Hùng C** về tội "Mua bán người" trong vụ án này là có căn cứ.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Đinh Thanh X** phạm tội “Mua bán người”.

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 150, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo **Đinh Thanh X** 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/03/2024.

2. Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Buộc bị cáo **Đinh Thanh X** nộp số tiền thu lợi bất chính là 36.600.000đ (Ba mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Về vật chứng: Trả cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động hiệu iphone 7 plus màu đen, số seri DX4VCGX3J5KR đã qua sử dụng, điện thoại đang bảo quản trong bì thư màu trắng, có chữ ký của **Đinh Thanh X** nhưng cần tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/6/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng).

3. Về án phí:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án, buộc bị cáo **Đinh Thanh X** phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp;
- VKS KV4;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng PV 06 – CA tỉnh Lâm Đồng;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng THA DS KV4;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Qui